TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thảo Vân - thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 325/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Liên H, sinh năm: 1991. Địa chỉ: đường H15, Tổ 33, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Â, sinh năm: 1989. Địa chỉ: đường T, Tổ 33, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2020, bảng tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Đoàn Thị Liên H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Thành Â kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Tổ 33, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, chồng tôi nhiều lần ngoại tình với người phụ nữ khác và đánh đập tôi. Vợ chồng hiện nay đã không còn chung sống với nhau nữa. Tôi đã dọn ra ở trọ tại đường H15, Tổ 33, phường T, quận L, còn ông Â và hai cháu hiện ở trọ tại đường T, Tổ 33, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Thành Â.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung: cháu Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày: 12/10/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Nhã H, sinh ngày: 26/6/2015. Ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Thành Â cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Liên H xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thành Â trình bày:

Tôi thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn, chung sống, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và có cãi vã nhau. Tôi có một số lần đi nhậu say về có đánh đập và đuổi vợ tôi ra khỏi nhà nhưng sau đó chúng tôi đã làm lành lại với nhau. Tôi vẫn còn yêu thương vợ và con nên đề nghị đoàn tụ với bà H. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận chúng tôi ly hôn thì tôi mong muốn được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Ngọc Nhã U thì cháu U xác định mong muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh, Tổ trưởng tổ dân phố cũng xác định Bà Đoàn Thị Liên H và ông Nguyễn Thành Â không còn sống chung với nhau nữa. Ông Nguyễn Thành Â đôi lúc có hành vi bạo lực gia đình với chị Hoàn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thành Â thống nhất ly hôn với Bà Đoàn Thị Liên H và mong muốn được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Bà Đoàn Thị Liên H và ông Nguyễn Thành Â.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã U và cháu Nguyễn Ngọc Nhã H cho Bà Đoàn Thị Liên H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Liên H xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Thành Â để xin ly hôn và nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, nuôi con chung*".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, sổ hộ khẩu và biên bản xác minh của Tòa án thì tại thời điểm khởi kiện, ông Nguyễn Thành Â cư trú tại địa chỉ: Tổ 33, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đoàn Thị Liên H và ông Nguyễn Thành Â tự nguyện kết hôn năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Tổ 33, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của Bà Đoàn Thị Liên H, HĐXX nhận thấy: sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng bà có người phụ nữ khác ở bên ngoài, thường xuyên đánh đập bà, vợ chồng không hợp quan điểm, tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và ông Â có hành vi bạo lực gia đình với bà H. Mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được nên bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Â. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Â đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng khi Tòa án triệu tập hòa giải lần thứ 2 thì ông không có mặt. Điều này thể hiện ông Nguyễn Thành Â không có ý định hòa giải với Bà Đoàn Thị Liên H để cứu vãn cuộc sống hôn nhân giữa ông bà. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa Bà Đoàn Thị Liên H và ông Nguyễn Thành Â đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và Bà Đoàn Thị Liên H xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Thành Â. Đồng thời, tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành Â cũng đồng ý ly hôn với bà H nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà Đoàn Thị Liên H và ông Nguyễn Thành Â.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Bà Đoàn Thị Liên H xác định vợ chồng có 02 con chung, bao gồm: cháu Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày: 12/10/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Nhã H, sinh ngày: 26/6/2015. Ly hôn, Bà Đoàn Thị Liên H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Â cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai ông bà đều mong muốn được nuôi dưỡng cả 2 cháu sau khi ly hôn. Theo bản tự khai của cháu U thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Bản thân ông Â hoặc bà H đều không muốn tách 02 cháu mà yêu cầu phải nuôi cả hai cháu. Đồng thời, do các cháu đều là con gái nên việc Bà Đoàn Thị Liên H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt nhất đối với phát triển tâm sinh lý của cháu về sau. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Bà Đoàn Thị Liên H, giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Nhã U và cháu Nguyễn Ngọc Nhã H cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, Bà Đoàn Thị Liên H không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa Bà Đoàn Thị Liên H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Đoàn Thị Liên H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đoàn Thị Liên H đối với ông Nguyễn Thành Â.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Bà Đoàn Thị Liên H và ông Nguyễn Thành Â.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

Giao con chung: cháu Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày: 12/10/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Nhã H, sinh ngày: 26/6/2015 cho Bà Đoàn Thị Liên H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành Â không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết Bà Đoàn Thị Liên H và ông Nguyễn Thành Â có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Liên H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001339 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Phổ An, Đức Phổ, Quảng Ngãi;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tòa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng